

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ và ông Nguyễn Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 248/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2025 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/09/1978. CCCD số: 030178012753. Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường B, thành phố Hải Phòng. Bà H đã có thẻ cư trú và hiện đang cư trú tại Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H (không ủy quyền quan hệ nhân thân): Ông Đoàn Hồng H1, sinh năm 1990, địa chỉ: Số nhà A đường T, khu dân cư K, phường C, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/3/1975. CCCD số: 030075008266. Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường B, thành phố Hải Phòng.

- Người làm chứng:

+ Bà Trần Thị C, sinh năm 1951, địa chỉ: Tổ dân phố K, phường B, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1998, địa chỉ: Tổ dân phố K, phường B, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn L vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là phường B, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng tính cách, lối sống, cách phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông L.

Quan hệ về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Văn L1, sinh năm 1998. Cháu L1 đã trưởng thành, tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến.

- *Kết quả xác minh tại địa phương và lời khai người làm chứng thể hiện:* Trong quá trình chung sống, bà H và ông L đã nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ lâu, gia đình đã khuyên bảo, động viên nhưng không giúp được cho ông L và bà H về đoàn tụ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56

của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Nguyễn Văn L; về án phí: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị H khởi kiện về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, ông Nguyễn Văn L có địa chỉ: Tổ dân phố K, phường B, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; bà H, người đại diện theo ủy quyền của bà H và người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào ngày 30/11/1996, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là phường B, thành phố Hải Phòng), là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông L đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, lối sống vợ chồng không hợp nhau. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần hòa giải, động viên nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục. Bà H đi lao động tại Đài Loan nhưng mỗi lần bà về nước thì vợ chồng cũng không về chung sống, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai; vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Bà H làm đơn ly hôn ông L; ông L không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà H ly hôn ông L.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Bà H, ông L có 01 con chung là Nguyễn Văn L1, sinh năm 1998. Cháu L1 đã thành niên, đủ khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung*: Bà H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ông L vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn ông L và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 238; Điều 147; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, theo biên lai số: 0003741 ngày 14/10/2025. Bà Nguyễn Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10-Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Bắc An Phú
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung